

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày 10 - 3 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa:
Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/HSST- QĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Văn Ce (Ce), sinh năm 1997; nơi sinh: huyện TG, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 14, khóm X, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn O (đã chết) và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1960; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ ba; vợ tên Trần Thị T3 TT, sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2020 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hg, sinh năm 1986, nơi cư trú: số 141/26 đường TTT, xã Hp, huyện Nb, thành phố LHC; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Phan T3 T1, sinh năm 1983; vắng mặt.

- Bà Trần Thị T2, sinh năm 1972; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1980; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987; vắng mặt.
- Ông Nguyễn Thanh T5 (Rót), sinh năm 1996; vắng mặt.

Người chứng kiến:

- Ông Nguyễn Thanh Lc1, sinh năm 1983; vắng mặt.
- Bà Võ Thị Huyền Lc2, sinh năm 1989; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 11/10/2020, Nguyễn Thị Hg, Nguyễn Thanh Lc1, Võ Thị Huyền Lc2 (cùng cư trú xã Hp, huyện Nb, thành phố LHC) đến phường SN, thành phố Đ chiêm bái tín ngưỡng, cúng viếng Miếu Bà. Nguyễn Văn T4, Trương Văn Ce, Nguyễn Thanh T5 và người phụ nữ tên RY (không rõ lai lịch, bán hàng rong) nhìn thấy Hg mua vật phẩm tại cửa hàng của Trần Thị T2 nên đến tiếp cận, giúp mang vật phẩm, hướng dẫn Hg đến cúng Chánh điện Miếu Bà (T4, T5, RY bỏ đi); Ce bày vật phẩm, tự ý để thêm 01 cặp thỏi vàng mả, 01 mâm giấy tiền vàng bạc, 01 cặp nến sáp để Hg cúng bái; Ce hướng dẫn Hg cúng bái Chùa “AT”, kêu T5 đem 12 túi nylon muối gạo, 01 giỏ trái cây, 01 bó hoa, 01 ộp hương nhỏ, 01 bộ áo giấy cúng Ông đến, Ce tự ý bày vật phẩm lên bàn, để Hg cúng bái. Sau đó, Ce đến khu vực cổng Miếu Bà (khóm V1, phường SN) đợi Hg đến, chặn đường, gây áp lực, đe dọa buộc Hg trả 2.260.000 đồng là tiền các vật phẩm Ce tự ý để thêm. Hoảng sợ, Hg trả tiền cho Ce, lực lượng Công an tuần tra phát hiện, ngăn chặn, bắt quả tang, Hg nhận lại tiền.

Ngày 19/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Đ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đến ngày 27/10/2020 tạm giam Trương Văn Ce để điều tra, xử lý.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSCĐ ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo Trương Văn Ce về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Ce thành khẩn khai báo, thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại Nguyễn Thị Hg vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo Ce tại phiên tòa phù hợp với diễn biến sự việc, phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, đã đủ yếu tố cấu thành

tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế.

Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trương Văn Ce từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại Hg đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt 2.260.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

Đối với người phụ nữ tên RY (không rõ lai lịch) cùng mang vật phẩm với bị cáo Ce, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thanh T5 (Rót) có hành vi đem vật phẩm cho Trương Văn Ce nhưng không tham gia cưỡng đoạt tiền của bị hại Hg; tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

Bị cáo thống nhất với các ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Đ; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại Nguyễn Thị Hg, những người làm chứng Phan T3 T1, Trần Thị T2, Nguyễn Thị T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thanh T5, những người chứng kiến Nguyễn Thanh Lc1, Võ Thị Huyền Lc2, vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời

khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét về hành vi bị truy tố của bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn Ce tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với kết quả điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra như biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 11/10/2020 do Công an phường SN, thành phố Đ lập nên có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/10/2020, bị cáo Trương Văn Ce đã có hành vi tự ý bày một số vật phẩm như: 01 cặp thời vàng mã, 01 mâm giấy tiền vàng bạc, 01 cặp nến sáp tại Chánh điện Miếu Bà và 12 túi nylon muối gạo, 01 giỏ trái cây, 01 bó hoa, 01 ộp hương nhỏ, 01 bộ áo giấy cúng Ông và hướng dẫn chị Hg cúng bái tại chùa AT; trên đường chị Hg ra về, bị cáo chặn đường, gây áp lực, dùng lời nói và có hành vi đe dọa buộc chị Hg phải trả 2.260.000 đồng là tiền các vật phẩm bị cáo tự ý bày thêm ở Chánh điện Miếu Bà và chùa AT, chưa được sự đồng ý của chị Hg. Trước thái độ hung hăng của bị cáo, vì lo sợ bị cáo đánh nên chị Hg đồng ý tiền trả theo yêu cầu của bị cáo, khi đang lấy tiền đưa cho bị cáo thì bị lực lượng Công an phường SN phát hiện, bắt quả tang.

[4] Bị cáo Trương Văn Ce là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi dùng lời nói đe dọa để cưỡng đoạt tài sản của bị hại với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ vụ lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý nhưng vì xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để cho bị hại phải mua các vật phẩm cúng chùa của bị cáo với giá cao hơn thực tế nhiều lần, khi bị hại không đồng ý trả tiền bị cáo có lời nói đe dọa, tỏ thái độ hung hăng nhằm uy hiếp tinh thần để bị hại sợ phải trả tiền cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, gây mất trật tự xã hội và bất bình trong nhân dân, để lại ấn tượng, hình ảnh không tốt đối với hành khách tham quan du lịch tại địa phương. Do đó, cần xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo thuộc thành phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51

Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội, đồng thời bảo đảm tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Khi bị lực lượng Công an phát hiện, đã trả lại tiền chiếm đoạt 2.260.000 đồng cho bị hại Hg, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với người phụ nữ tên RY (không rõ lai lịch) cùng mang vật phẩm với bị cáo Ce, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thanh T5 (Rót) có hành vi đem vật phẩm cho Trương Văn Ce nhưng không tham gia cưỡng đoạt tiền của bị hại Hg, tuy không xử lý hình sự nhưng công khai giáo dục tại phiên tòa.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trương Văn Ce (Ce) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Trương Văn Ce: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 27/10/2020 (ngày hai mươi bảy, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trương Văn Ce phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Trương Văn Ce có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Hg là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TPCĐ (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp, tỉnh An Giang (1);
- Nhà Tạm giữ - Công an TPCĐ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCĐ (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phí Thị Phương Nhung